TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 475/2019/DS-ST
Ngày: 08/8/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Chu Mạnh Tường
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/TB-TLVA ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ
Địa chỉ: 130 đường P, Phường X, Quận P, TP. Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Diệp Quốc D, sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ: 155 đường H, phường B, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 17/7/2019)

2. Bị đơn: Ông Ngô Xuân T, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: 401 đường K, khu phố X, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có đại diện theo ủy quyền ông Diệp Quốc D trình bày: Ngày 07/10/2013 ông Ngô Xuân T có giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Phòng giao dịch H chi nhánh Quận Y.

Vào ngày 08/10/2013 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Phòng giao dịch H chi nhánh Quận Y và ông Ngô Xuân T ký kết với nhau hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 82/TC140/2013; theo nội dụng hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng cung cấp cho

ông T hạn mức thấu chi là 800.000.000 đồng, lãi suất thấu chi trong hạn là 1.35%, thời hạn thấu chi từ ngày 08/10/2013 đến ngày 08/10/2014, mục đích vay là để tiêu dùng.

Thực hiện hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân và ông T đã nhận đủ số tiền 800.000.000 đồng, tuy nhiên ông T không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng như cam kết; vì vậy Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc ông Ngô Xuân T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 07/8/2019 với các khoản tiền cụ thể như sau: Tiền gốc là 800.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 112.039.959 đồng; tiền lãi quá hạn là 952.020.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 1.864.059.959 đồng. Kể từ ngày 08/8/2019 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông Ngô Xuân T thực hiện việc thanh toán nợ xong cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Ngô Xuân T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành triệu tập ông T đến tòa để giải quyết việc kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo địa chỉ trong đơn khởi kiện mà Ngân hàng cung cấp nhưng ông T không đến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Một số tài liệu, chứng cứ liên quan trực tiếp đến vụ án có trong hồ gồm: Quyết định số 1015/QĐ-DAB ngày 31/5/2011, quyết định số 1607/QĐ-DAB ngày 02/7/2012, giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi (dành cho cổ đông DAB) ngày 07/10/2013, hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 82/TC140/2013 ngày 08/10/2013; chứng minh nhân dân, hộ khẩu của ông T ; phiếu xác minh ngày 15/11/2017, ngày 18/6/2018 và ngày 25/7/2018.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh; các nội dung đương sự đã thỏa thuận thống nhất được và không thống nhất được: Do ông T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, cũng như làm rỏ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2017 và ngày 25/10/2017 nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn ông Ngô Xuân T là 401 đường K, khu phố X, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; sau khi thụ lý vụ án số 515/TB-TLVA ngày 13/11/2017, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức tiến hành xác mình tình

trạng cư trú của ông T tại đại chỉ trên thì được biết ông T đã chuyển hộ khẩu về địa chỉ 26/11F đường N, phường Đ, Quận 1; nên đã ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 603/QĐ-CVA ngày 19/12/2017 chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân Quận 1 giải quyết theo thẩm quyền; ngày 06/11/2018 Tòa án nhân dân Quận 1 ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 625/2018/QĐST-DS chuyển trả hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân quận Thủ Đức với lý do xác định ông T có nơi cư trú cuối cùng là 401 đường K, khu phố X, phường H, quận T, vì thực tế ông T có đăng ký hộ khẩu tại Quận 1, nhưng thực tế không cư trú ở Quận 1 ngày nào; ngày 12/3/2019 Tòa án nhân dân quận Thủ Đức thụ lý lại vụ án theo thông báo thụ lý vụ án số 210/TB-TLVA và tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân sự về hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn ông Ngô Xuân T. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc niêm yết tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo quy định tại địa chỉ số 401 đường K, khu phố X, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông T vắng mặt, không đến tòa để giải quyết vụ án của Ngân hàng. Ngày 26/6/2019 Tòa án nhân quận Thủ Đức ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2019QĐXXST-DS, thời gian mở phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 18/7/2019. Ngày 03/7/2019 Tòa án phát hiện ông T đến Tòa án làm việc trong một vụ án khác với tư cách là đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư Đ, nên Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông T ; nhưng đến ngày mở phiên tòa ông T vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa do ông T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do theo quyết định hoãn phiên tòa số 176/2019/QĐST-DS ngày 18/7/2019. Ngày 25/7/2019 Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày hôm nay (ngày 08/8/2019) nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 233 và Điều 235 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn:

Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn các khoản tiền tạm tính đến ngày 07/8/2019 cụ thể như sau: Số tiền gốc là 800.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 112.039.959 đồng; tiền lãi quá hạn là 952.020.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 1.864.059.959 đồng. Kể từ ngày 08/8/2019 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông Ngô Xuân T thực hiện việc thanh toán nợ xong cho Ngân hàng.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi ngày 07/10/2013 của ông Ngô Xuân T có nội dung "…Ngô Xuân T, số tài khoản thẻ 0109405370, chứng minh nhân dân 024097698, đề nghị Ngân hàng cấp hạn mức thấu chi 800.000.000 đồng…"

Căn cứ vào hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 82/TC140/2013 ngày 08/10/2013 được ký kết giữa Ngân hàng và ông T có nội dung "… Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thấu chi cho ông T số tiền 800.000.000 đồng; thời hạn thấu chi 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng cấp hạn mức thấu chi cho chủ thẻ; mục đích vay tiêu dùng; lãi suất

thấu chi trong hạn 1.35%/năm; lãi suất thấu chi quá hạn 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn…". Như vậy việc vay nợ giữa Ngân hàng và ông T là có thật.

Thực hiện hợp đồng vay đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng có cấn trừ trực tiếp của ông T 19.000.000 đồng là tiền chuyển lãi cổ đông vào tài khoản thẻ ngoài ra không có khoản tiền nào khác, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng như cam kết; do đó lỗi vi phạm hợp đồng vay thuộc về ông T kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ các Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc đòi nợ của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 67.921.799 đồng; ông Ngô Xuân T phải chịu; Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 471 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Ngô Xuân T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm tính đến ngày 07/8/2019 cụ thể như sau: Vốn gốc là 800.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 112.039.959 đồng; tiền lãi quá hạn là 952.020.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 1.864.059.959 (Một tỷ tám trăm sáu mươi bốn triệu không trăm năm mươi chín nghìn chín trăm năm mươi chín) đồng. Kể từ ngày 08/8/2019 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông Ngô Xuân T thực hiện việc thanh toán nợ xong cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 67.921.799 (sáu mươi bảy triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi chín) đồng ông Ngô Xuân T phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 28.298.999 (hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi tám nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0037523 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Ngô Xuân T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: "Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự quận Thủ Đức; (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp. (3)

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Công Tình